

Xy lanh trượt mini DGST-20- -

Số bộ phận: 8073896



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Hành trình	10 mm...200 mm
Phạm vi vị trí cuối/chiều dài phía trước có thể điều chỉnh	6.45 mm...32.9 mm
Khoảng vị trí cuối có thể điều chỉnh / chiều dài ở phía sau	7 mm...31.1 mm
Ø pít tông	20 mm
Chế độ hoạt động của bộ truyền động	Ách
Đệm	Các vòng / tấm đệm ngăn, đàn hồi ở cả hai bên Giảm xóc đàn hồi, ở cả hai bên, không điều chỉnh được hành trình Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai bên với điểm dừng cố định giảm chấn thủy lực bên ngoài
Vị trí lắp đặt	bất kì
Dẫn hướng	Dẫn hướng lồng cầu
Cấu trúc xây dựng	Pít tông đôi Ách Cần piston Ổ trượt
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần
Các biến thể	Các kim loại có đồng, kẽm hoặc niken là thành phần chính không được phép sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bảng mạch, dây dẫn, bộ kết nối và cuộn dây.
Áp suất vận hành	0.1 MPA...0.8 MPA 1 bar...8 bar 14.5 psi...116 psi
Tốc độ tối đa	0.5 m/s...0.8 m/s
Độ chính xác lặp lại	<= 0,3mm <= 0,02 mm
Nguyên tắc vận hành	tác động kép
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Lớp chống ăn mòn KBK	1 - ứng suất ăn mòn thấp
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Sản phẩm tương ứng với định nghĩa sản phẩm nội bộ của Festo để sử dụng trong sản xuất pin:Các kim loại có hơn 1% trọng lượng là đồng, kẽm hoặc niken không được sử dụng.Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bo mạch, cáp, bộ kết nối và cuộn dây.

Đặc tính	Giá trị
Loại phòng sạch	Loại 6 theo ISO 14644-1
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-10 °C...60 °C
Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối	0.2 J...3 J
Chiều dài đệm	1 mm...8 mm
Lực tối đa Fy	930 N...1600 N
Lực tối đa Fz	930 N...1600 N
Thời điểm tối đa Mx	9 N m...20 N m
Max. Moment My	10 N m...18 N m
Mô-men tối đa Mz	10 N m...18 N m
Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi	317 N
Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luồng	377 N
Khối lượng di chuyển	440 g...1532.5 g
trọng lượng sản phẩm	970 g...3420 g
Kiểu gắn	với lỗ xuyên
Cổng nối khí nén	G1/8
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu phủ	Hợp kim nhôm rèn
Vật liệu của phốt	HNBR
Vật liệu thanh dẫn hướng	POM TPE-E thép hợp kim cao
Vật liệu vỏ	Hợp kim nhôm rèn
Vật liệu thanh piston	thép không gỉ hợp kim cao